

Bản án số: 36/2019/HNST  
Ngày: 27/6/2019  
V/v: "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trúc Việt

2. Bà Nguyễn Thị Mươi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà Đỗ Thị Thu  
Ngà -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu  
Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 271/2019/TLST-  
HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc: "**Xin ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1974 (Có mặt).

HKTT: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

HKTT: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2019, bản tự khai, những lời khai tiếp theo  
cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ L trình bày:

Chị L và anh H kết hôn với nhau vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có đăng  
kí kết hôn và được UBND xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn  
vào năm 1994. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2015 thì  
phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm  
trong cuộc sống. Anh H không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng mất  
hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm  
vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01/3/1994,  
Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 06/3/1997 và Nguyễn Thanh H2 sinh ngày 24/6/2002.  
Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thanh H2 và không  
yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên hòa giải cũng như để dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án không lấy lời khai được đối với anh H và lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được đối với anh H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có quan điểm:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn với anh H. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên ghi nhận. Về nợ chung không có.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xem xét cho chị L được quyền nuôi con chung là Nguyễn Thanh H2. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh H đã trưởng thành nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Quan điểm của Đại diện VKSND huyện D, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1994 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị L trình bày, quá trình chung sống vợ chồng chị L anh H sống hạnh phúc đến năm 2015. Từ năm 2015 vợ chồng chị L anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng chị L, anh H không còn phù hợp, anh H không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng mất hạnh phúc. Vợ chồng chị L anh H đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Biên bản xác minh làm việc ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện D nơi địa phương chị L anh H sinh sống đã xác nhận vợ chồng chị L anh H đã có xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2018, anh H đã về nhà mẹ ruột anh H sinh sống từ năm 2018 đến nay. Chị L anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L anh H đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của chị L anh H không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01/3/1994, Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 06/3/1997 và Nguyễn Thanh H2 sinh ngày 24/6/2002. Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thanh H1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Thanh H2 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu H3 đang sống với chị L. Cháu H3 có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu H3 cần để cho chị L được nuôi cháu H3 là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị L anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Thanh H.

Chị Hồ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Ghi nhận việc chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2. Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 01/3/1994, Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 06/3/1997 và Nguyễn Thanh H2 sinh ngày 24/6/2002. Cháu H và cháu H1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị L được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh H2. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Hoài không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền và lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Chị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền án

phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0003135 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Chị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tam Phước;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Đỗ Thị Phượng**

Văn Quang đối với bà Huỳnh Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Quang được ly hôn với bà Huỳnh Ngọc Hà.

Ghi nhận việc ông Quang không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 16/5/1987 và Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh ngày 03/10/1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Ông Quang phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà ông Quang đã nộp theo biên lai thu số 0012596 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D tỉnh Bến Tre. Ông Quang đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Ông Quang được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hà được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Tấn Hùng    Võ Thanh Minh**

**Đỗ Thị Phụng**